

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ**

Ban hành kèm Quyết định số 1841/QĐ-ĐHTL ngày 06/11/2020 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			37									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	ITL112	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3				3					
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2					2				
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2						2			
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2							2		
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2								2	
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Startup Spirit	SSE111	Phát triển kỹ năng	3	3								
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science and computer			15									
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính	2		2							
9	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	CAL111	Toán học	3	3								
10	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	CAL121	Toán học	3		3							
11	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH233	Toán học	2		2							
12	Vật lý đại cương	General Physics	PHYS121	Vật lý	3		3							
13	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						
I.4	Tiếng Anh	English			6									
14	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
15	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5*	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			118									
II.1	Cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			25									
16	Đồ họa kỹ thuật 1	Technical Graphics 1	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	2	2								
17	Vẽ cơ khí	Mechanical Drawing	MEDR112	Đồ họa kỹ thuật	2		2							
18	Thực tập Vẽ cơ khí	Mechanical Drawing Practice	MEDR122	Đồ họa kỹ thuật	1		1							
19	Cơ học cơ sở I	Engineering Mechanics I	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3		3							
20	Kỹ thuật điện trong cơ khí	Electrics in Mechanical Engineering	EME121	Kỹ thuật điện, điện tử	2			2						

[illegible]

[illegible]

TT	Tên môn học (Tiếng Việt)	Tên môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn phụ trách	Số TC	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
13	Thực tập chuyên ngành công nghệ cơ khí	Professional Internship	PRIN418	Công nghệ cơ khí	2								2	
14	Thực tập CAD/CAM/CNC	CAD/CAM/CNC Practice	CAMC820	Công nghệ cơ khí	3								3	
II.5.3.2	Kiến thức tự chọn tự do cho chuyên ngành				8								8	
15	CAE trong thiết kế máy	CAE in Machine Design	CAE218	Công nghệ cơ khí	2								2	
16	Tổ chức sản xuất cơ khí	Mechanical Production Organization	POR418	Công nghệ cơ khí	2								2	
17	Thiết kế sản phẩm công nghiệp	Industrial Product Design	INPD218	Công nghệ cơ khí	2								2	
18	Thiết kế nhà máy cơ khí	Mechanical Factory Design	ENFD701	Công nghệ cơ khí	2								2	
19	Lập trình PLC	PLC Programing	PLC218	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
20	Thực tập lập trình PLC	PLC Programing Practice	PLC228	Kỹ thuật cơ điện tử	2								2	
21	Quản trị Marketing	Application Maketing	BACU312	Quản trị kinh doanh	2								2	
22	Quản lý chất lượng	Quality Control	BACU314	Quản trị kinh doanh	2								2	
	Tổng cộng (I + II)	Total (I + II)			155	12	20	19	20	19	19	18	15	13